TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2024/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số A ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2025):

Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số A ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1970;

Địa chỉ theo hợp đồng vay tiền và tài sản: Số E ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ đăng ký thường trú hiện nay: Số B, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/6/2024, bà T có cho bà Nguyễn Kim T1 vay số tiền 2.200.000.000đ (hai tỉ, hai trăm triệu đồng), lãi suất 1,66%/tháng, mục đích bà T1 vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay tiền là đến ngày 20/7/2024, hai bên có lập hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024, có cả hai bên cùng ký tên trong hợp đồng. Đến thời hạn trả tiền vay, bà T đến gặp bà T1 nhiều lần yêu cầu trả tiền vay nhưng bà T1 không trả, sau này bà T đến tìm thì không gặp được bà T1 nữa, hiện nay bà T không biết bà T1 ở đâu.

Vì vậy, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 2.200.000.000đ (hai tỉ, hai trăm triệu đồng) và tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 20/6/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 17/6/2025) là 437.023.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 2.637.023.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Kim T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Cẩm T tổng số tiền nợ là 2.637.023.000đ (hai tỉ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, không trăm hai

mươi ba nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 437.023.000 đồng.

Về án phí tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024 giữa bên cho vay tiền và tài sản bà Võ Thị Cẩm T với bên vay tiền và tài sản bà Nguyễn Kim T1 thể hiện bị đơn bà Nguyễn Kim T1 có nơi cư trú tại số E, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà C là phù hợp.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bà T1 không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa bà T1 vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn bà T cho rằng vào ngày 20/6/2024, bà có cho bà Nguyễn Kim T1 vay số tiền 2.200.000.000đ (hai tỉ, hai trăm triệu đồng), lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay tiền là đến ngày 20/7/2024. Sau khi vay tiền, bà T1 không trả tiền vay cho bà theo đúng thỏa thuận. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024.

Xét "Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024 giữa bên cho vay tiền và tài sản (Bên A) bà Võ Thị Cẩm T với bên vay tiền và tài sản (Bên B) bà Nguyễn Kim T1" có nội dung: "Bên A: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1993,

CCCD số: 083193005764, thường trú tại: A, ấp M, xã M, thành phố B cho Bên B: Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1970, CCCD số: 083170005599, thường trú tại: E, ấp B, xã P, thành phố B vay số tiền 2.200.000.000đ (hai tỉ, hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận theo quy định của nhà nước là 1,66%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/7/2024).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà T1 thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho bà T1 thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong đó có thể hiện Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T1 không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà T, cũng như việc bà T1 có hay không có vay tiền của bà T. Như vậy, bà T1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung bà T1 có vay của bà T số tiền 2.200.000.000 đồng vào ngày 20/6/2024 và nay bà T1 còn nợ bà T số tiền 2.200.000.000 đồng.

Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà T1, qua xác minh Công an xã P, thành phố B và công an xã L, huyện G xác định "Trước đây bà T1 có đăng ký thường trú tại: Số E, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay đã chuyển đến đăng ký thường trú và đang sinh sống tại: Số B, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre". Căn cứ vào khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: "Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...". Xét thấy bà T1 đang là bên có nghĩa vụ trong giao dịch vay tiền với bà T, bà T1 thay đổi nơi cư trú nhưng bà T1 không thông báo cho bà T biết nơi cư trú hiện nay của bà T1 được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T1 còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng.

[4.2] Xét về yêu cầu tính lãi của bà T: Hội đồng xét xử xét thấy, theo Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 20/6/2024 tại "mục 3 của phần I. Nội dung của

hợp đồng ghi: Lãi suất thỏa thuận theo quy định của nhà nước là 1,66%/tháng". Xét thấy sau khi vay tiền bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi nên bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 17/6/2025) là 437.023.000 đồng là phù hợp với quy định theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Như vậy tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T là 2.637.023.000 đồng.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Bà T1 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 84.740.000 đồng (72.000.000 đồng + 637.023.000 đồng x 2%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 208, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 351, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Cẩm T đối với bà Nguyễn Kim T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Kim T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Cẩm T tổng số tiền nợ là 2.637.023.000đ (hai tỉ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 437.023.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Kim T1 phải chịu án phí là 84.740.000đ (tám mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Cẩm T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.059.000đ (ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005524 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My